

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 29/2026/DS-ST
Ngày 19-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Ông Lê Phú Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 718/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 342/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam); Địa chỉ trụ sở: Số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Tuyết L, sinh năm 2002; Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (là đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 01/9/2025). Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Hoàng A, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số F Khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 09 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn do bà Phan Tuyết L trình bày:

Ngày 07/08/2024, Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 5729352 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Phạm Hoàng A với khoản vay trị giá 37.695.000 đồng (Trong đó khoản vay 35.000.000 đồng và bảo hiểm 2.695.000 đồng) với lãi suất vay 52%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Phạm Hoàng A. Theo Hợp đồng tín dụng, Bà Phạm Hoàng A có nghĩa vụ thanh toán trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 05/09/2024 đến ngày 05/08/2027.

Sau khi được giải ngân, Bà Phạm Hoàng A đã thanh toán được tổng số tiền là 12.594.276 đồng (6 kỳ), trong đó tiền gốc đã trả là 3.082.862 đồng, tiền lãi đã trả là 9.439.414 đồng và phí thu hộ 72.000 đồng. Cụ thể như sau:

- + Kỳ 1 (ngày 03/09/2024): 2.099.046 đồng;
- + Kỳ 2 (ngày 21/09/2024): 2.099.046 đồng;
- + Kỳ 3 (ngày 30/10/2024): 2.099.046 đồng;
- + Kỳ 4 (ngày 02/12/2024): 2.099.046 đồng;
- + Kỳ 5 (ngày 04/01/2025): 2.099.046 đồng;
- + Kỳ 6 (ngày 05/02/2025): 2.099.046 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày 05/03/2025, bà Phạm Hoàng A đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân. Do đó, kể từ ngày 05/03/2025, Công ty T bắt đầu chuyển nợ quá hạn từng kỳ thanh toán mà bà Phạm Hoàng A vi phạm.

Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà Phạm Hoàng A thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà Phạm Hoàng A vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T.

Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên buộc bà Phạm Hoàng A thanh toán cho Công ty T số tiền tổng cộng tính đến ngày 19/01/2026 là 52.852.941 đồng (năm mươi hai triệu tám trăm năm mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi một đồng). Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 34.612.138 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn là: 14.817.338 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn là: 2.722.063 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả là: 701.402 đồng.

Đồng thời, yêu cầu bà Phạm Hoàng A tiếp tục thanh toán thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 20/01/2026 theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 5729352 ngày 07/08/2024 giữa Công ty T và bà Phạm Hoàng A cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

* *Đối với bị đơn bà Phạm Hoàng A:* Quá trình tố tụng, bà Phạm Hoàng A đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu

tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bà A đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình xác minh, bị đơn bà Phạm Hoàng A, sinh năm 1986 có địa chỉ cư trú tại: Số F Khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Hoàng A thanh toán nợ đối với Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5729352 ngày 07/08/2024 của bà Phạm Hoàng A đối với Công ty T. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Phạm Hoàng A có nơi cư trú tại địa chỉ số F Khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 23/12/2025 và 19/01/2026 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho bị đơn; đồng thời đã triệu tập họp lệ bị đơn tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn bà Phạm Hoàng A phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân

sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 06/08/2024, bà Phạm Hoàng A có làm Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5729352 và được Công ty T phê duyệt ngày 07/08/2024. Theo đó, Công ty T đã cấp tín dụng cho bà Phạm Hoàng A với khoản vay trị giá 37.695.000 đồng (Trong đó khoản vay 35.000.000 đồng và bảo hiểm 2.695.000 đồng) với lãi suất vay 52%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Phạm Hoàng A.

Sau khi được giải ngân, Bà Phạm Hoàng A đã thanh toán được tổng số tiền là 12.594.276 đồng (6 kỳ), trong đó tiền gốc đã trả là 3.082.862 đồng, tiền lãi đã trả là 9.439.414 đồng và phí thu hộ 72.000 đồng. Cụ thể như sau:

- + Kỳ 1 (ngày 03/09/2024): 2.099.046 đồng;
- + Kỳ 2 (ngày 21/09/2024): 2.099.046 đồng;
- + Kỳ 3 (ngày 30/10/2024): 2.099.046 đồng;
- + Kỳ 4 (ngày 02/12/2024): 2.099.046 đồng;
- + Kỳ 5 (ngày 04/01/2025): 2.099.046 đồng;
- + Kỳ 6 (ngày 05/02/2025): 2.099.046 đồng.

Hợp đồng tín dụng (Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5729352 ngày 07/08/2024 giữa bà Phạm Hoàng A và Công ty T là tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Hoàng A đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5729352 ngày 07/08/2024. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Hoàng A thanh toán cho Công ty T số tiền tổng cộng tính đến ngày 19/01/2026 là 52.852.941 đồng (năm mươi hai triệu tám trăm năm mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi một đồng). Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 34.612.138 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn là: 14.817.338 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn là: 2.722.063 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả là: 701.402 đồng.

Ngoài ra, Công ty T yêu cầu bà Phạm Hoàng A tiếp tục thanh toán thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 20/01/2026 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 5729352 ngày 07/08/2024 giữa Công ty T và bà Phạm Hoàng A cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được chứng cứ về việc không vay nợ hoặc tài liệu chứng cứ về việc đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ tiền nợ cho Công ty T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Việc thỏa thuận lãi suất và phí trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5729352 ngày 07/08/2024 giữa bà Phạm Hoàng A và Công ty T là phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong thì bị đơn bà Phạm Hoàng A phải tiếp tục trả cho Công ty Mirae Asset các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 20/01/2026 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng (Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5729352 ngày 07/08/2024 giữa bà Phạm Hoàng A và Công ty T).

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Hoàng A phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) đối với bà Phạm Hoàng A về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Phạm Hoàng A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) khoản nợ của Hợp đồng tín dụng (Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5729352 ngày 07/08/2024 giữa bà Phạm Hoàng A và Công ty T (Việt Nam)) tính đến ngày 19/01/2026 là: 52.852.941 đồng (năm mươi hai triệu tám trăm năm mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi một đồng). Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 34.612.138 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn là: 14.817.338 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn là: 2.722.063 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả là: 701.402 đồng.

Đồng thời, buộc bà Phạm Hoàng A phải tiếp tục trả cho Công ty T (Việt Nam) các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 20/01/2026 theo mức lãi suất, phí thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5729352 ngày 07/08/2024 giữa bà Phạm Hoàng A và Công ty T (Việt Nam) cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Hoàng A phải chịu số tiền 2.642.647 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng).

- Trả lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 1.106.513 đồng (một triệu một trăm linh sáu ngàn năm trăm mười ba đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0025966 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Nam

